

Số: 3486 /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình chuẩn, hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông-tư-số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo-dục và Đào tạo quy định về việc-ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình-đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình-đào tạo-các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Thông báo số 3757/TB-ĐHTCM-QLĐT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing thông báo kết luận tại phiên họp Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 13/12/2024;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học, chương trình chuẩn hình thức đào tạo chính quy theo định hướng ứng dụng của Ngành Quản lý kinh tế - Mã ngành đào tạo thí điểm: 7310110.

Điều 2. Chương trình đào tạo tại Điều 1 được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 trở đi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trưởng

khoa Kinh tế - Luật, Trường phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./✓

Nơi nhận:

- PHT phụ trách đào tạo;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT. ✓



HIỆU TRƯỞNG

★ **Phạm Tiến Đạt**



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Quản lý Kinh tế

Định hướng ứng dụng

Năm 2024



BỘ TÀI CHÍNH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH (Tiếng Việt): Quản lý Kinh tế

TÊN NGÀNH (Tiếng Anh): Economic Management

TRÌNH ĐỘ: Đại học (định hướng ứng dụng)

MÃ NGÀNH: 7310110

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2024



MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1. CĂN CỨ XÂY DỰNG.....	1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
3. THÔNG TIN CHUNG	2
4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	3
5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)	4
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 122 tín chỉ	4
7. TUYỂN SINH	5
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
9. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC.....	8
10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	9
11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	10
B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:.....	13
C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO.....	38
1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy	38
2. Tài liệu hướng dẫn tự học/tài liệu tham khảo khác	41
3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/TT/2021-BGDĐT và Thông tư số 02/TT/2022-BGDĐT	43
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	46
E. PHỤ LỤC.....	46

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~3486~~ /QĐ-ĐHTCM ngày ~~17~~ tháng ~~12~~ năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Quyết định số 1596/2024/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định về Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-ĐHTCM ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến các chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính - Marketing; ✓

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Quản lý Kinh tế (định hướng ứng dụng) trang bị cho người học kiến thức toàn diện về kinh tế, quản lý kinh tế và quản lý, cùng với kỹ năng thực tiễn để giải quyết các vấn đề kinh tế trong môi trường doanh nghiệp và quản lý công. Người học được đào tạo kỹ năng phân tích, dự báo và hoạch định chính sách kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô. Người học tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt và có khả năng vận dụng kiến thức vào phân tích, quản lý, tư vấn kinh tế, sẵn sàng làm việc hiệu quả trong cả khu vực công và khu vực tư.

Chương trình được thiết kế thời gian trung bình 4 năm và 122 tín chỉ, trong đó thực hiện 6 tín chỉ tốt nghiệp.

Trường khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Quản lý Kinh tế

3.2. Trình độ: Đại học

3.3. Định hướng đào tạo: Ứng dụng

3.4. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Quản lý Kinh tế

3.5. Mã ngành đào tạo: 7310110

3.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

3.7. Loại hình đào tạo: Chính quy

3.8. Số tín chỉ yêu cầu: 122 (chưa bao gồm tín chỉ Giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo)

3.9. Khoa quản lý: Khoa Kinh tế - Luật

3.10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

3.11. Chứng nhận chất lượng:

3.12. Website: <https://kheakinhteluat.ufm.edu.vn/>

3.13. Các chương trình tham khảo, đối sánh: Chương trình đào tạo ngành Quản lý Kinh tế, Trường Đại học Thương Mại.

3.14. Năm rà soát, cập nhật: 2024

3.15. Vị trí việc làm

Cử nhân ngành Quản lý Kinh tế có thể đảm nhiệm các vị trí như:

- Có thể làm việc vị trí chuyên viên hoặc quản lý trong các cơ quan quản lý kinh tế các cấp (Trung ương, bộ, sở, ban ngành, địa phương); ✓

- Các tổ chức tư vấn, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, các tổ chức phi Chính phủ;

- Các viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo về kinh tế và quản lý kinh tế; các trung tâm nghiên cứu và tư vấn về kinh tế và quản lý kinh tế;

- Làm việc tại các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý Kinh tế nhằm trang bị cho người học nền tảng kiến thức về kinh tế - xã hội, quản lý kinh tế, cùng với kiến thức chuyên sâu về phân tích kinh tế và quản lý kinh tế. Người học sẽ phát triển khả năng phân tích và đánh giá các chính sách kinh tế, ra quyết định quản lý kinh tế và kinh doanh dựa trên mô hình lý thuyết và công cụ phân tích hiện đại. Đồng thời, chương trình còn hướng tới việc phát triển phẩm chất chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm xã hội, khả năng làm việc độc lập và tự bổ sung kiến thức, cũng như kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và ngoại ngữ.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Về kiến thức:

- PO1: Vận dụng kiến thức lý luận chính trị, pháp luật, kiến thức kinh tế và kinh doanh để phân tích hoạt động kinh tế và kinh doanh.

- PO2: Vận dụng kiến thức về kinh tế và kinh doanh để phân tích đánh giá các chính sách, các quyết định kinh tế và kinh doanh trong thực tiễn.

- PO3: Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích kinh tế, kinh doanh và quản lý kinh tế; đánh giá, phân tích và dự báo được những vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý kinh tế.

❖ Về kỹ năng:

- PO4: Phát triển các kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong công việc; có tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong công việc.

- PO5: Phát triển kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích độc lập, và tổ chức công việc khoa học trong các môi trường làm việc khác nhau.

- PO6: Vận dụng các mô hình lý thuyết và công cụ để phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản lý tổ chức và kinh tế.

❖ Về mức tự chủ và trách nhiệm:

- PO7: Tự tin, linh hoạt, chính trực, trách nhiệm, chuyên nghiệp trong hoạt động chuyên môn; có khả năng tổ chức, quản lý, kiểm tra giám sát, phối hợp và làm việc nhóm hiệu quả để hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn.

- PO8: Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học hỏi, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. ✓

5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

❖ Về kiến thức:

- PLO1: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức chuyên môn chung của ngành trong việc đánh giá, phân biện các vấn đề trong công việc.

- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin, toán kinh tế, phân tích dữ liệu, khởi nghiệp để thực hiện công việc thuộc ngành được đào tạo.

- PLO3: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế, kinh doanh và quản lý vào việc phân tích, đánh giá tác động của các chính sách đối với hoạt động kinh tế, kinh doanh của doanh nghiệp và của nền kinh tế.

- PLO4: Vận dụng các phương pháp, công cụ phân tích kinh tế và kinh doanh để đưa ra các quyết định hiệu quả trong kinh tế, kinh doanh và quản lý.

❖ Về kỹ năng:

- PLO5: Xử lý được các tình huống liên quan đến hoạt động về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật; sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành để giải quyết công việc thuộc ngành được đào tạo.

- PLO6: Xử lý được các tình huống liên quan đến ứng dụng công nghệ, giải quyết bài toán kinh tế, xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp.

- PLO7: Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền thông; kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm để giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn.

- PLO8: Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích kinh tế, kinh doanh để phân tích, đánh giá các quyết định kinh tế và kinh doanh.

❖ Về mức tự chủ và trách nhiệm:

- PLO9: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- PLO10: Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát được những người khác thực hiện được nhiệm vụ.

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 122 tín chỉ

TT	Định hướng ứng dụng		
	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Khối kiến thức Giáo dục đại cương	26	21
1.1	Kiến thức lý luận chính trị	11	
1.2	Kiến thức pháp luật	3	
1.3	Ngoại ngữ	6	
1.4	Toán – Tin	6	

TT	Định hướng ứng dụng		
	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
2	Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	90	74
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	39	32
2.2	Kiến thức ngành	30	25
2.3	Kiến thức chuyên ngành	15	12
a	Học phần bắt buộc	9	60
b	Học phần tự chọn	6	40
2.4	Kiến thức bổ trợ ngành	6	5
3	Tốt nghiệp	6	5
	Khóa luận tốt nghiệp	6	5
	Hoặc		
	Thực tập cuối khóa	3	2,5
	Học phần thay thế	3	2,5
	Tổng	122	100

7. TUYỂN SINH

Hàng năm, Trường xây dựng đề án tuyển sinh với các nội dung chi tiết về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo phù hợp với năng lực đào tạo và các quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng			Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT	TH	
1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương				26	26	0	
a	Kiến thức lý luận chính trị			11	11	0	
1	011134	Triết học Mác – Lênin	Marxist – Leninist phylosophy	3	3	0	X
2	011135	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	Marxist-Leninist political economics	2	2	0	X
3	011136	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	2	2	0	X
4	011137	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	2	2	0	X

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)		
				Tổng số TC	Phân bố TC			
					LT	TH		
5	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2	0	X	
b	Kiến thức pháp luật			3	3	0		
6	10637	Pháp luật đại cương	General Law	3	3	0	X	
c	Ngoại ngữ			6	6	0		
7	11739	Tiếng Anh trong kinh doanh	English for business	3	3	0	X	
8	11740	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	Advanced English for business	3	3	0	X	
d	Toán – Tin học			6	6	0		
9	11741	Toán kinh tế	Mathematic for Economics	3	3	0	X	
10	11742	Năng lực số	Digital literacy	3	3	0	X	
2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp								
a	Kiến thức cơ sở ngành							
11	011817	Kinh tế học vi mô	Microeconomics	3	3	0	X	
12	011818	Kinh tế học vĩ mô	Macroeconomics	3	3	0	X	
13	010038	Nguyên lý kế toán	Principles of accounting	3	3	0		
14	010630	Nguyên lý Marketing	Principles of marketing	3	3	0	X	
15	010033	Quản trị học	Principles of Management	3	3	0	X	
16	010035	Tài chính – Tiền tệ	Financial and monetary theory	3	3	0	X	
17	011743	Luật kinh doanh	Business law	3	3	0		
18	010081	Thuế	Taxation	3	3	0	X	
19	010163	Tài chính doanh nghiệp	Corporate finance	3	3	0	X	
20	011744	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	Entrepreneurship and Innovation	3	3	0	X	
21	011866	Kinh tế lượng	Econometrics	3	3	0	X	
22	011745	Phát triển bền vững	Sustainable development	3	3	0	X	
23	011746	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	Artificial intelligence in Business	3	3	0	X	

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)	
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT		TH
<i>b</i>	<i>Kiến thức ngành</i>			<i>30</i>	<i>30</i>	<i>0</i>	
24	011923	Kinh tế học vi mô nâng cao	Advanced Microeconomics	3	3	0	
25	011924	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	Advanced Macroeconomics	3	3	0	
26	011803	Thống kê kinh tế	Economics statistics	3	3	0	
27	011360	Kinh tế công cộng	Public Economics	3	3	0	
28	010570	Kinh tế quốc tế	International economics	3	3	0	
29	010872	Kinh tế phát triển	Development economics	3	3	0	
30	011854	Kinh tế lao động	Labor-Economics	3	3	0	
31	010302	Phân tích và dự báo kinh tế	Data-analysis and forecast in economics	3	3	0	
32	011869	Chính sách kinh tế	Economic policy	3	3	0	
33	011747	Quy hoạch đô thị	Urban planing	3	3	0	
<i>c</i>	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>						
Học phần bắt buộc							
34	010931	Quản lý nhà nước về kinh tế	State management of economics	3	3	0	
35	010167	Thẩm định dự án đầu tư	Investment Project Appraisal	3	3	0	
36	010790	Quản lý danh mục đầu tư	Portfolio Management	3	3	0	
Tự chọn: chọn 1 trong 2 nhóm sau							
Nhóm 1							
37	011928	Quản lý dự án	Project Management	3	3	0	
38	011929	Quản lý rủi ro dự án đầu tư	Investment project risk Management	3	3	0	
Nhóm 2							
39	011925	Quản lý hành chính công	Public Administration Management	3	3	0	
40	010989	Quản lý tài chính công	Public Financial management	3	3	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt)	Tên học phần (Tiếng Anh)	Định hướng ứng dụng		Đào tạo trực tuyến (ghi dấu "X" đối với các học phần có giảng dạy trực tuyến)	
				Tổng số TC	Phân bố TC		
					LT		TH
d	Kiến thức bổ trợ ngành						
41	010622	Marketing địa phương	Local Marketing	3	3	0	
42	011926	Quản lý tài nguyên và môi trường	Natural Resources and Environment Management	3	3	0	
3. Tốt nghiệp							
43	011368	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation thesis	6	0	0	
		Hoặc					
44	011369	Thực tập cuối khóa	Graduation internship	3	0	3	
45	011927	Học phần thay thế: Mô hình ra quyết định quản lý	Management decision making model	3	3	0	
Tổng số tín chỉ khóa học				122	116	6	

9. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

9.1. Phương pháp giảng dạy

❖ Lý thuyết:

- **Thuyết giảng:** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

- **Thuyết trình:** Tùy vào sĩ số lớp, giảng viên sẽ chia thành các nhóm, mỗi nhóm từ 5-7 SV. Mỗi nhóm sẽ được giao một đề tài cụ thể trong phạm vi môn học. Đến chủ đề của nhóm nào, nhóm đó sẽ lên trình bày trước lớp bằng file power point. Mỗi nhóm sẽ có 20 phút để thuyết trình và 10 phút tương tác, phản biện trước lớp học. Giảng viên sẽ có bảng điểm đánh giá chung của nhóm và đánh giá từng cá nhân tham gia nhóm.

- **Thảo luận nhóm:** Giảng viên yêu cầu người học chuẩn bị trước một chủ đề, phân thành nhóm nhỏ với số lượng từ 3 – 5 sinh viên, người học trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày nội dung trước lớp với thời gian từ 10 đến 15 phút. Sau khi thuyết trình, các thành viên trong nhóm sẽ trả lời câu hỏi phản biện của các nhóm còn lại.

- **Nghiên cứu tình huống:** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy học viên làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, từ đó giúp hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ

năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

❖ **Thực hành:** *tại cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp:*

Đây là phương pháp được thực hiện thông qua việc giới thiệu, tìm hiểu thực tế các hoạt động tại doanh nghiệp. Người học, bằng các kiến thức đã được học, có nhiệm vụ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được, liên quan đến chủ đề của nội dung học tập.

9.2. Phương pháp học tập của người học

❖ **Hướng dẫn tự học:** là phương pháp theo đó người học sẽ nghiên cứu tài liệu để thu nhận kiến thức và tự rèn luyện kỹ năng dưới sự hướng dẫn của người dạy.

❖ **Tự học:** là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của người dạy. Phương pháp này giúp người học tự định hướng việc học hành của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà người dạy gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

9.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

Hướng dẫn thực hành là phương pháp dạy học trong đó người học thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, thực tế tại các cơ quan, tổ chức để giúp người học hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, từ đó tiếp nhận được kiến thức và hình thành kỹ năng nghề nghiệp thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận.

10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo Quyết định số 3347/QĐ-ĐHTCM ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

10.1. Lý thuyết:

- Đánh giá quá trình: chuyên cần, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa kỳ.
- Đánh giá thi kết thúc học phần: bao gồm các hình thức tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn.

10.2. Thực hành:

- Đánh giá quá trình: chấp hành quy định của đơn vị thực tập, báo cáo tiến độ thực tập
- Đánh giá thi kết thúc học phần: bao gồm các hình thức thi tại phòng máy, báo cáo thực tập.

10.3. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ✓

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH										
1. Đánh giá quá trình										
1.1 Chuyên cần										X
1.2 Bài tập nhóm/Thuyết trình nhóm	X	X	X	X	X		X	X		
1.3 Học qua tình huống	X	X	X	X	X		X	X	X	X
1.4 Kiểm tra	X	X	X	X	X	X		X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
2.1 Bài thi tự luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
2.2 Bài thi trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X		X	X	
2.3 Bài thi thực hành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.4 Tiểu luận	X	X	X	X	X			X	X	
2.5 Bài thi vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X		X	
2.6 Bài thi kết hợp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
B. CÁC HỌC PHẦN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, THỰC TẬP TỐT NGHIỆP										
Thực tập cuối khóa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11.1. Quy trình đào tạo

- Chương trình đào tạo đại học định hướng ứng dụng Ngành Quản lý Kinh tế được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học.
- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm. Thời gian tối đa là 7 năm.
- Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ đại học hoặc Quy chế đào tạo vừa làm vừa học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

11.2. Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo và kế hoạch đào tạo

a) Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo:

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của

Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

b) *Kế hoạch đào tạo:*

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học Mác – Lênin	3		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Triết học Mác - Lênin	
3	Kinh tế học vi mô	3		
4	Nguyên lý kế toán	3		
5	Quản trị học	3		
6	Pháp luật đại cương	3		
7	Kinh tế học vĩ mô	3	Kinh tế học vi mô	
8	Nguyên lý marketing	3		
9	Năng lực số	3		
10	Tiếng Anh trong kinh doanh	3		
11	Toán kinh tế	3		
12	Tài chính – Tiền tệ	3	Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô	
	Tổng	35		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin	
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
3	Luật kinh doanh	3		
4	Thuế	3		
5	Tài chính doanh nghiệp	3		
6	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3		
7	Kinh tế lượng	3		
8	Thống kê kinh tế	3		
9	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao	3	Tiếng Anh trong kinh doanh	
10	Kinh tế học vi mô nâng cao	3	Kinh tế học vi mô	
11	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	3	Kinh tế học vĩ mô	
12	Phát triển bền vững	3		

	Tổng	34		
--	-------------	-----------	--	--

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
2	Phân tích và dự báo kinh tế	3		
3	Kinh tế công cộng	3		
4	Kinh tế quốc tế	3		
5	Kinh tế phát triển	3		
6	Kinh tế lao động	3		
7	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3		
8	Thẩm định dự án đầu tư	3		
9	Quy hoạch đô thị	3		
10	Quản lý nhà nước về kinh tế	3		
11	Chính sách kinh tế	3		
12	Quản lý tài nguyên và môi trường	3		
	Tổng	35		

Năm 4

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Quản lý dự án	3		Chọn 1 trong 2 nhóm
	Quản lý rủi ro dự án đầu tư	3		
2	Quản lý hành chính công	3		
	Quản lý tài chính công	3		
3	Marketing địa phương	3		
4	Quản lý danh mục đầu tư	3		
5	Khóa luận tốt nghiệp	6		
Hoặc				
6	Thực tập cuối khóa	3		
7	Học phần thay thế: Mô hình ra quyết định quản lý	3		
	Tổng	18		

11.4. Tổ chức thi kết thúc học phần

Công tác tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành.

11.5. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

a) Điều kiện tốt nghiệp

❖ Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần:

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-ĐHTCM ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.

❖ Điều kiện về kỹ năng mềm:

Người học phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian.
- Kỹ năng Thuyết trình và làm việc nhóm.
- Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả.
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định.
- Kỹ năng Lập kế hoạch nghề nghiệp và tìm việc làm.
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo.

❖ Điều kiện về ngoại ngữ:

Có năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Điều kiện về tin học:

- Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS-cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp;

- Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Cấp bằng đại học, cấp bằng điểm

- Cấp bằng, phụ lục văn bằng đại học: khi người học đáp đầy đủ các quy định theo quy chế hiện hành của Trường và nhà nước.

- Cấp bằng điểm: khi người học đáp đầy đủ các quy định theo quy chế hiện hành của Trường và nhà nước, hoặc khi người học có yêu cầu. ✓

B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Triết học Mác – Lênin Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng: Lĩnh hội những tri thức căn bản, có tính hệ thống về triết học Mác – Lênin, sử dụng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật trong việc học tập những môn học khác và nhận thức, đánh giá các vấn đề trong công việc. Từ đó có niềm tin vào các quan điểm của bản thân và khả năng bảo vệ được các quan điểm đó

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Triết học Mác – Lênin trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của người học vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ việc lĩnh hội tri thức của học phần, người học thấy rõ ý nghĩa phương pháp luận việc vận dụng triết học Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam cũng như những lợi ích mà người học có được khi đến với học phần này.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R):

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin Tín chỉ: 02

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học được trang bị những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Có khả năng hình thành những kỹ năng vận dụng, phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế - xã hội trong quá trình phát triển của đất nước và bản thân người học. Qua đó góp phần giúp người học xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường và xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp kiến thức cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin và một số vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nội dung kinh tế chính trị Mác – Lênin trong học phần tập trung vào hàng hoá, thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền. Những vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ được chọn lọc trong học phần bao gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội, quan hệ lợi ích kinh tế trong thời kỳ quá độ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. ✓

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học Tín chỉ: 02

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học được trang bị hệ thống kiến thức căn bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học. Có khả năng sử dụng kiến thức đã học để xem xét, giải thích những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh Tín chỉ: 02

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 6 chương, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; ✓

về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

5. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam Tín chỉ: 02

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, người học có những hiểu biết mang tính hệ thống về Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời đến nay; người học có khả năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và vận dụng kiến thức lịch sử đã học vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, người học được nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố, bồi đắp niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 4 chương, trang bị cho người học sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I); PLO5(R); PLO9(R).

6. Pháp luật đại cương Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần Pháp luật đại cương đặt mục tiêu trang bị những kiến thức cơ bản nhất, khái quát nhất về nhà nước và pháp luật, nhằm tạo nền tảng vững chắc để người học tiếp tục học tập các học phần khác thuộc lĩnh vực pháp luật trong chương trình đào tạo. Ngoài ra, với kiến thức và kỹ năng được trang bị, người học có thể tìm kiếm và áp dụng được các quy định pháp luật để giải quyết ✓

các vấn đề thông thường trong công việc và cuộc sống một cách hợp pháp với ý thức pháp luật đúng đắn.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm hai phần: Phần I: Những vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật và Phần II: Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Phần I chuyển tải những vấn đề lý luận cơ bản nhất của nhà nước (như nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng; hình thức của nhà nước và bộ máy nhà nước) và pháp luật (nguồn gốc, sự hình thành, khái niệm, bản chất, thuộc tính, chức năng, vai trò của pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần II cung cấp những kiến thức liên quan đến khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, quan hệ pháp luật và nội dung cốt lõi của một số chế định của một số ngành luật thuộc lĩnh vực luật tư (gồm Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Lao động, Luật Tố tụng dân sự). Ngoài ra, học phần còn trang bị những kiến thức quan trọng của Luật Phòng chống tham nhũng và quyền con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO7(R), PLO10(R).

7. Tiếng Anh trong kinh doanh

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp vào việc giải quyết các tình huống trong công việc; áp dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc về môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm giúp sinh phát triển kỹ năng làm việc thực tế như đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và giải quyết các vấn đề giao tiếp thông thường, từ đó người học phát huy thái độ tích cực, chủ động, đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh trong kinh doanh được xây dựng dành cho người học không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn, Đặc thù, Tài năng. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng giao tiếp thực tế trong môi trường kinh doanh, thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại nơi làm việc. Học phần trang bị cho người học kiến thức từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài liên quan đến các hoạt động marketing, tài chính, kinh doanh quốc tế..., để có thể chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO5(R), PLO10(I).

8. Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Tiếng Anh trong kinh doanh ✓

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học phát triển và vận dụng tốt các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ trung cấp thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, như giới thiệu bản thân một cách tự tin trong các cuộc phỏng vấn việc làm, xử lý các tình huống giao tiếp trong công việc; vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc, và phát triển sự hiểu biết của người học về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, người học phát triển kỹ năng thực tế bao gồm đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và cách xử lý tốt nhất các vấn đề giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm, từ đó xây dựng cho người học thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao được xây dựng dành cho người học không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn, Đặc thù, Tài năng sau khi học xong học phần Tiếng Anh trong kinh doanh. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ về tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả vị trí việc làm, mô tả về thị trường và nhu cầu của thị trường, công việc sản xuất; các hoạt động liên quan đến marketing; tài chính; kinh doanh quốc tế; môi trường làm việc. Người học được trang bị từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO5(M), PLO10(I).

9. Toán kinh tế Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này người học sẽ: Biết vận dụng các khái niệm và phép toán về ma trận, định thức, hệ phương trình, giải một số mô hình đại số và tuyến tính trong kinh tế. Nắm vững và hiểu sâu sắc các kiến thức về giới hạn, liên tục, đạo hàm của hàm số để áp dụng trong kinh tế và kinh doanh. Biết vận dụng phép toán vi tích phân và các ứng dụng của nó vào bài toán kinh tế, tài chính. Vận dụng được các kiến thức về hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân giải quyết các bài toán, mô hình kinh tế cụ thể. Thành thạo việc sử dụng công cụ cũng như các phương pháp toán học vào giải quyết các vấn đề, bài toán, mô hình kinh tế vi mô và vĩ mô cụ thể: các mô hình cân bằng, mô hình input – output của Leontief, giá trị cân biên, hệ số co giãn, bài toán tối ưu một biến, mô hình cực trị tự do, cực trị có điều kiện trong kinh tế và kinh doanh.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các kiến thức các khái niệm và phép toán về ma trận, định thức, ✓

hệ phương trình, giải một số mô hình đại số và tuyến tính trong kinh tế. Nắm vững và hiểu sâu sắc các kiến thức về giới hạn, liên tục, đạo hàm của hàm số để áp dụng trong kinh tế và kinh doanh. Biết vận dụng phép toán vi tích phân và các ứng dụng của nó vào bài toán kinh tế, tài chính. Vận dụng được các kiến thức về hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân giải quyết các bài toán, mô hình kinh tế cụ thể; Thành thạo việc sử dụng công cụ cũng như các phương pháp toán học vào giải quyết các vấn đề, bài toán, mô hình kinh tế vi mô và vĩ mô cụ thể: các mô hình cân bằng, mô hình input – output của Leontief, giá trị cân biên, hệ số co giãn, bài toán tối ưu một biến, mô hình cực trị tự do, cực trị có điều kiện trong kinh tế và kinh doanh

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO3(R), PLO4(R), PLO5(R), PLO9(I).

10. Năng lực số

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu chung của học phần:

Sau khi học xong học phần, người học hiểu được khái niệm năng lực số, tầm quan trọng của năng lực số trong công việc, khung năng lực số theo tiêu chuẩn của người lao động trong thời đại Công nghệ 4.0; Các ứng dụng của năng lực số trong công việc cũng như kỹ năng phát triển năng lực số. Nội dung học phần đảm bảo trang bị đầy đủ các kiến thức để thích ứng, làm chủ công nghệ số, phát triển kỹ năng số giúp người học có thể nâng cao khả năng tự học, dễ dàng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và theo kịp sự phát triển của thời đại công nghệ số. Hệ thống bài tập thực hành giúp người học trau dồi kỹ năng vận dụng linh hoạt các phương pháp giải quyết vấn đề theo từng tình huống, tích lũy kinh nghiệm và phát triển năng lực số nhằm phục vụ cho nghề nghiệp của mình. Ngoài ra, người học được rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm bảo quản tài sản và an toàn thông tin trong quá trình học

▪ Tóm tắt nội dung:

Học phần cung cấp cho người học các nội dung như khái niệm năng lực số, khung năng lực số, nhóm năng lực số tại Việt Nam như: truy cập và đánh giá thông tin một cách hiệu quả trên môi trường số; khả năng tạo ra các nội dung số; Áp dụng được phân tích dữ liệu; biết cách khai thác, quản lý thông tin và dữ liệu,... một cách sáng tạo và hiệu quả. Ngoài ra học phần còn trang bị cho người học an toàn và an ninh số, những kiến thức nhất định về các công cụ chuyên môn trong lĩnh vực nghề nghiệp, áp dụng công nghệ để tối ưu hóa hiệu quả công việc và nắm vững các xu hướng công nghệ mới trong ngành nghề.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO9(R), PLO10(R).

11. Kinh tế học vi mô

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu chung của học phần: ✓

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các khái niệm cung cầu, cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này giới thiệu về cung và cầu và các lực lượng cơ bản xác định trạng thái cân bằng trên thị trường, hành vi của người tiêu dùng và phân tích các quyết định của người tiêu dùng. Học phần này cũng đề cập đến các doanh nghiệp và các quyết định của họ về sản xuất tối ưu và tác động của các cấu trúc thị trường khác nhau đối với hành vi của các doanh nghiệp như các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh.... Học phần này còn nghiên cứu quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào. Ngoài ra, học phần này còn tìm hiểu những khuyết tật của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO5(R), PLO9(R).

12. Kinh tế học vĩ mô

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

--*Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến kinh tế vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng...

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp người học hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Người học sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, người học cũng được giới thiệu các công cụ chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R).

13. Nguyên lý kế toán

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này giúp cho người học hiểu rõ những nội dung cơ bản về kế toán; nắm vững, vận dụng được các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập báo cáo kế toán trong doanh nghiệp. Đồng thời, người học có thể tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán và có khả năng bảo vệ được ✓

quan điểm cá nhân.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO6(I), PLO7(I), PLO9(R).

14. Nguyên lý marketing

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Nguyên lý marketing cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, người học có thể giải thích được bản chất marketing và vai trò của hoạt động marketing đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội. Bên cạnh đó, học phần giúp người học có thể vận dụng được các kiến thức căn bản về marketing để phân tích môi trường marketing, đánh giá hoạt động marketing và đề xuất giải pháp marketing cho doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần Nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, tập trung phân tích kiến thức căn bản về marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung liên quan đến công tác triển khai các hoạt động marketing như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, phân tích các nội dung căn bản của phối thức marketing liên quan đến chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược truyền thông marketing.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO3(I), PLO7(I), PLO9(I), PLO10(I).

15. Quản trị học

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học hình thành được kiến thức lý thuyết tổng ✓

quan về hoạt động quản trị của tổ chức như phân tích môi trường quản trị, công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc. Bên cạnh các kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm hướng đến hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PL01(I), PL05(M), PL10(R).

16. Tài chính – Tiền tệ

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này trang bị các kiến thức liên quan đến lý luận kinh tế cơ bản để người học hiểu được các vấn đề liên quan đến phạm trù tài chính và tiền tệ; nhận định và phân tích được các vấn đề liên quan tới phạm trù Tiền tệ như tín dụng, lãi suất, lạm phát, tỷ giá, ... và các định chế liên quan đến quá trình lưu thông tiền tệ như ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương; nhận định và phân tích được các vấn đề liên quan tới phạm trù tài chính gồm công cụ, định chế và các chủ thể trong hệ thống tài chính, ... Từ đó, học phần có thể hỗ trợ người học đưa ra quyết định cơ bản liên quan đến đầu tư như tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư; so sánh các cơ hội đầu tư; so sánh giữa lợi ích và rủi ro; đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản trên các tín hiệu thị trường. Kỳ vọng, người học có kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể trở thành những người thông thái và có thể nhận định, phân tích và ra quyết định liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Tài chính – Tiền tệ là học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá cũng như các thị trường tài chính, hiểu được quá trình hoạt động của các chủ thể quan trọng trong hệ thống tài chính như ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, tài chính công, tài chính doanh nghiệp và tài chính quốc tế. Học phần sẽ tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của hệ thống tài chính và các chủ thể trong hệ thống tài chính từ đó người học có cơ hội lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính dựa trên các tình huống thực tế. ✓

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

17. Luật Kinh doanh Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Pháp luật đại cương
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và kiến thức pháp lý cơ bản nhất về thành lập, tổ chức và hoạt động, chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế; đồng thời trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để tìm kiếm và áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan trong hoạt động kinh doanh, từ đó hình thành ý thức kinh doanh có trách nhiệm.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm 5 chương. Sau khi được trang bị những kiến thức Tổng quan về Luật Kinh doanh (Chương 1), người học được tiếp cận với pháp luật thực định điều chỉnh quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của các chủ thể kinh doanh (gồm hộ kinh doanh, các loại hình doanh nghiệp và hợp tác xã), tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp (Chương 2). Học phần Luật Kinh doanh cũng giúp người học nghiên cứu và vận dụng pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, nhất là các hợp đồng thông dụng như hợp đồng mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ... (Chương 3). Pháp luật về chấm dứt hoạt động kinh doanh bằng hình thức phá sản được chuyển tải trong Chương 4. Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh (theo quy định của pháp luật) thuộc chương cuối cùng (Chương 5).

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(I), PLO8(R), PLO10(R).

18. Thuế Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, cơ sở lý luận về thuế nhằm giúp người học hiểu được tổng quan về thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và những nội dung chủ yếu của các sắc thuế đang được áp dụng hiện nay. Học phần trang bị cho người học kỹ năng cơ bản để xác định nghĩa vụ thuế phải nộp; từng bước hình thành ý thức tuân thủ các quy định pháp luật của người nộp thuế, và đạo đức nghề nghiệp của người thực hiện chính sách thuế.

- *Tóm tắt nội dung*

Học phần này là học phần bắt buộc trong phần kiến thức cơ sở ngành của Trường Đại học Tài chính – Marketing. Học phần cung cấp cho người học những nội dung tổng quan về thuế và các sắc thuế cụ thể tại Việt Nam gồm: thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Nội dung của mỗi sắc thuế gồm những quy định của pháp luật thuế về: Đối tượng chịu thuế, ✓

người nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, thời hạn kê khai và nộp thuế, quyết toán thuế ở mức độ cơ bản.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần: PLO2(R), PLO6(R); PLO9(R); PLO10(R).

19. Tài chính doanh nghiệp Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này hướng đến cung cấp các kiến thức để người học hiểu được tổng quan về tài chính doanh nghiệp, biết được mục tiêu của tài chính doanh nghiệp, hiểu và tính toán được giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích và đánh giá các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp. Người học sẽ có khả năng hoạch định nguồn vốn tài trợ trong doanh nghiệp, quản trị các tài sản ngắn hạn, định giá chứng khoán và thẩm định tài chính của các dự án đầu tư dài hạn. Môn học sẽ giúp người học có cái nhìn khái quát về các hoạt động tài chính trong doanh nghiệp, từ đó nâng cao khả năng ứng dụng thực tiễn và chuẩn bị cho các vị trí công việc liên quan đến tài chính doanh nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tài chính trong doanh nghiệp về giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, chi phí sử dụng vốn, đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp và quản trị vốn lưu động của doanh nghiệp. Những kiến thức này nhằm hỗ trợ việc ra các quyết định trong quản trị tài chính doanh nghiệp.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO7(R), PLO9(R), PLO10(R).

20. Khởi nghiệp và đổi mới Sáng tạo Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô; Quản trị học

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần giúp người học xây dựng một góc nhìn và thái độ tích cực đối với hoạt động Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các kiến thức ban đầu, giúp người học dễ dàng tiếp cận các học phần kiến thức ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo; trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ thông dụng trong hoạt động Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, thúc đẩy kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá và đưa ra các lựa chọn trong kinh doanh để thiết lập một mô hình kinh doanh, triển khai đưa ý tưởng của mình vào thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần đóng vai trò tiền đề cung cấp cho người học một cái nhìn bao quát về Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Qua học phần này, người học sẽ được đào tạo các kiến thức sơ khởi và cơ bản thuộc lĩnh vực Quản trị Kinh doanh và Tiếp thị, góp

phần giúp họ tiếp cận tốt hơn với các học phần kiến thức ngành và chuyên ngành trong tổng thể chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, học phần cũng hướng dẫn người học sử dụng một số công cụ thông dụng hoạt động Khởi nghiệp và Đổi mới Sáng tạo; qua đó củng cố sự tự tin và thái độ tích cực, khuyến khích rèn luyện kỹ năng tư duy, phát triển các ý tưởng kinh doanh, năng lực đánh giá, phân tích để lựa chọn và xây dựng một kế hoạch khởi nghiệp hoàn chỉnh về cấu trúc và đáp ứng yêu cầu về nội dung theo tiêu chuẩn học phần đề ra.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO7(R), PLO8(R), PLO9(I).

21. Kinh tế lượng Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Toán kinh tế; Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được các kiến thức cơ bản về phân tích tương quan và hồi quy; xây dựng mô hình ước lượng và kiểm định cho các hệ số hồi quy; Kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết trên các mô hình. Ứng dụng vào phân tích và dự báo cho các vấn đề liên quan đến Tài chính, kinh tế và quản trị. Làm công cụ nền tảng cho các học phần sau.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy đa biến, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho người học cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(R), PLO3(I), PLO4(R), PLO5(M).

22. Phát triển bền vững Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Phát triển bền vững được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức và thái độ sống, học tập và làm việc trước xu thế tất yếu, không thể né tránh hay phủ nhận của thời đại. Thông qua các nội dung được giảng dạy và thảo luận, người học ý thức được các vấn đề của một quá trình phát triển đáp ứng nhu cầu mọi mặt của xã hội hiện tại mà vẫn đảm bảo sự tiếp tục phát triển của thế hệ tương lai, từ đó có thái độ và hành vi đúng đắn trong mọi hoạt động của đời sống từ sinh hoạt cá nhân đến lao động, sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác.

▪ *Tóm tắt nội dung:* ✓

Học phần đưa ra những vấn đề khái quát chung về phát triển bền vững bao gồm các khái niệm, nguyên tắc và lý thuyết về phát triển bền vững. Cung cấp các kiến thức để người học: Hiểu, luận giải, phân tích, đánh giá các vấn đề trên cơ sở 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Nội dung chính của học phần sẽ đề cập đến vấn đề phát triển bền vững ở 7 lĩnh vực kinh tế - xã hội như: Tăng trưởng kinh tế; Công nghiệp và hạ tầng; Tài nguyên; Giáo dục và y tế; Năng lượng; Bình đẳng xã hội; và Chính sách phát triển bền vững. Thông qua các nội dung của học phần, người học được trang bị phương pháp đánh giá, phân tích các khía cạnh phát triển bền vững ở Việt Nam, từ đó hình thành tư duy phân biệt độc lập để có những hàm ý chính sách cho các cấp quản lý nhà nước.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO6(R), PLO9(R); PLO10(R).

23. Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế lượng

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về Trí tuệ nhân tạo, các vấn đề về phương pháp trong việc xây dựng các mô hình có sử dụng trí tuệ nhân tạo; bao gồm các phương pháp toán thống kê, các thuật toán cơ bản của phân tích dữ liệu và ứng dụng các công nghệ và khoa học dữ liệu mới vào thực tiễn kinh tế xã hội. Sau khi học xong học phần này người học có những kiến thức và kỹ năng cần thiết về ứng dụng công nghệ trong việc thu thập, phân tích số liệu, xây dựng mô hình tổ chức hiệu quả cho các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kinh doanh và quản lý

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học các nội dung như khái niệm và vai trò của khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo đối với hoạt động kinh doanh và quản lý, cung cấp các phương pháp toán thống kê được sử dụng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo để giải quyết các bài toán kinh tế. Người học được trang bị các phương pháp công nghệ trong trí tuệ nhân tạo, các phương pháp phân lớp dữ liệu, phân cụm dữ liệu trong các lĩnh vực kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO6(R), PLO9(R), PLO10(R).

24. Kinh tế học vi mô nâng cao

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này người học có kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng để phân tích phúc lợi xã hội khi có những chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách đối với thị trường. Học phần này còn ứng dụng lý thuyết kinh tế học trong bảo hiểm, kế toán; ứng dụng lý thuyết kinh tế học vi mô trong ra quyết định quản lý. ✓

Ngoài ra, học phần cũng đi sâu phân tích những thất bại của thị trường như: bất cân xứng thông tin, ngoại tác, hàng hóa-công, chiến lược định giá khi có sức mạnh thị trường của doanh nghiệp

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng để phân tích tác động đối với phúc lợi xã hội khi có những chính sách của chính phủ (như: thuế, trợ giá, hạn ngạch,...) tác động đối với thị trường, cũng đi sâu phân tích những thất bại của thị trường như: bất cân xứng thông tin, ngoại tác, hàng hóa công, chiến lược định giá khi có sức mạnh thị trường của các doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có khả năng hiểu và phân tích tác động của các chính sách đối với từng thị trường, để ra quyết sách.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO3(R), PLO4(M), PLO8 (M), PLO9(M), PLO10(M).

25. Kinh tế học vĩ mô nâng cao

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về kinh tế học vĩ mô giúp người học có thể phân tích, bình luận, phản biện hoặc ứng xử với chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, dự báo tác động của các chính sách đối với các hoạt động kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này nhằm giúp người học ứng dụng các lý thuyết kinh tế vĩ mô vào thực tế để hiểu và phân tích thực trạng của các nền kinh tế, cũng như sẽ giới thiệu các mô hình kinh tế được sử dụng để phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tế. Từ đó, giúp người học có khả năng hiểu, phân tích và dự báo được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong đời thực, nhằm giúp cho nhà kinh tế, quản lý có cơ sở khoa học để ra quyết định.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO3(R), PLO4(M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

26. Thống kê kinh tế

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học vận dụng được phương pháp thu thập thông tin; các phương pháp xử lý, tổng hợp và phân tích dữ liệu; ứng dụng được phần mềm thống kê trong xử lý và phân tích thống kê; phân tích được mối liên hệ của các chỉ tiêu kinh tế qua các mô hình và các hiện tượng kinh tế. ✓

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Thống kê trong kinh tế giới thiệu các kiến thức cơ bản về thống kê, bao gồm các phương pháp thu thập thông tin; các phương pháp xử lý, tổng hợp và phân tích dữ liệu. Ngoài ra, Học phần này còn cung cấp cho người học hệ thống các phương pháp phân tích thống kê mô tả, thống kê suy luận, các phương pháp nghiên cứu mối liên hệ của các chỉ tiêu kinh tế qua các mô hình, phân tích quy luật phát triển của hiện tượng qua thời gian, các mô hình dự đoán làm cơ sở cho việc ra quyết định cả ở tầm vi mô và vĩ mô. Học phần còn giới thiệu các ứng dụng phần mềm thống kê trong xử lý và phân tích thống kê giúp người học dễ dàng tiếp cận các phương pháp một cách thuận tiện.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(R), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(R), PLO9(M), PLO10(M).

27. Kinh tế công cộng - Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Kinh tế công cộng cung cấp cho người học các kiến thức về khu vực công trong phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo công bằng xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô, từ đó hình thành kỹ năng vận dụng linh hoạt các kiến thức để đánh giá và đề xuất các giải pháp mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh tế của khu vực công.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này giới thiệu cách tiếp cận mọi vấn đề trong quản lý kinh tế dưới góc độ phân tích những chính sách quản lý kinh tế công sẽ ảnh hưởng như thế nào đến phúc lợi xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO4(R), PLO8(R), PLO9(R), PLO10 (R).

28. Kinh tế quốc tế Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự phát triển của các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa, tư bản giữa một quốc gia với phần còn lại của thế giới; phân tích mô hình thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Kinh tế quốc tế nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, học phần này còn nghiên cứu sự dịch chuyển của các luồng hàng hóa, dịch

vụ, tài chính tiền tệ và thanh toán từ một quốc gia đến phần còn lại của nền kinh tế thế giới. Mặt khác, học phần này cũng nghiên cứu chính sách điều tiết dòng vận động hàng hóa và tác động của chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia. Cuối cùng, học phần nghiên cứu lý luận và thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(R), PLO4(R), PLO8(M), PLO9(M).

29. Kinh tế phát triển Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Kinh tế phát triển cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về các tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và vai trò của các nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở đó người học vận dụng, phân tích, đánh giá cụ thể quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện-tiến-bộ xã hội trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung:*

Kinh tế phát triển giới thiệu các khía cạnh nguyên lý chung về phát triển kinh tế, đặc biệt là nguyên lý kinh tế để phát triển trong điều kiện các nước đang phát triển với các tiêu chí phân loại và các bộ phận cấu thành hệ thống kinh tế thế giới, các đặc trưng kinh tế - xã hội của các nước đang phát triển, các tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phúc lợi xã hội cho con người. Dựa trên các tiêu chí đánh giá phát triển kinh tế, học phần đặt vấn đề vận dụng phân tích đánh giá cụ thể quá trình tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện-tiến bộ xã hội trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO3(R), PLO4(R), PLO7(R), PLO8(M), PLO9(M).

30. Kinh tế lao động Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Kinh tế lao động cung cấp cho người học kiến thức về quy luật hoạt động trên thị trường lao động; đánh giá, phân tích các khía cạnh khác nhau của thị trường lao động.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản của kinh tế lao động cả về khía cạnh lý thuyết lẫn thực tiễn. Đối với khía cạnh lý thuyết, các lý thuyết liên quan đến cung - cầu và ✓

cân bằng trên thị trường lao động; lý thuyết về đầu tư vào vốn nhân lực, di chuyển lao động, sự phân biệt đối xử trên thị trường lao động, công đoàn và thất nghiệp sẽ được giới thiệu để giúp người học hiểu và nắm bắt được các quy luật hoạt động trên thị trường lao động. Đối với khía cạnh thực tiễn, học phần cũng sử dụng rộng rãi các số liệu thống kê và các báo cáo, phân tích từ các thị trường lao động trong nước và thế giới để giúp người học có cái nhìn thực tiễn về cách thức hoạt động của thị trường lao động.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(M).

31. Phân tích và dự báo kinh tế Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô, Kinh tế phát triển.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Phân tích và dự báo kinh tế giúp cho người học phân biệt được các dạng dữ liệu trong phân tích; sử dụng được các phần mềm để phân tích và dự báo kinh tế; vận dụng các phương pháp phân tích và dự báo kinh tế; phân tích, đánh giá được kết quả các hoạt động kinh tế trong thực tiễn.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về phân tích và dự báo, các dạng dữ liệu trong phân tích, các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học các phương pháp thống kê mô tả, phân tích tương quan, phân tích hồi quy với các loại dữ liệu khác nhau. Đặc biệt, với dữ liệu chuỗi thời gian, học phần giới thiệu các mô hình dự báo như mô hình ECM, VECM, ARIMA,... Ngoài ra, học phần này còn giới thiệu cho người học kỹ thuật phân tích thống kê, kỹ năng sử dụng các phần mềm dự báo, phân tích dữ liệu thống dụng SPSS, Eviews, Stata,...

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(R), PLO3(R), PLO4(M), PLO6(R), PLO8(M), PLO9(R), PLO10(R).

32. Chính sách kinh tế Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vĩ mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có những kiến thức cơ bản và có hệ thống về quá trình hoạch định chính sách, tổ chức thực thi chính sách, kiểm soát thực hiện chính sách về và phân tích các chính sách về kinh tế. Ngoài ra, học phần cung cấp vai trò, những nội dung, công cụ, phương pháp phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các chính sách kinh tế đến phúc lợi xã hội.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản chính sách kinh tế và ✓

quá trình xây dựng và thực thi chính sách kinh tế, bao gồm hoạch định, tổ chức thực hiện, phân tích, đánh giá và điều chỉnh các chính sách kinh tế. Tiếp theo, học phần giới thiệu về phân tích và đánh giá đối với từng chính sách cụ thể như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chính sách kinh tế đối ngoại. Cuối cùng, học phần cung cấp các báo cáo đánh giá kinh tế Việt Nam từ các tổ chức trong nước và quốc tế giúp người học có cái nhìn thực tế về tác động của các chính sách kinh tế đối với nền kinh tế Việt Nam.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4 (M), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(R).

33. Quy hoạch đô thị Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để người học có thể hiểu được các khái niệm, nguyên tắc, nội dung trong công tác quy hoạch đô thị và vai trò của quy hoạch đô thị trong mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Người học được trang bị kỹ năng đọc báo cáo và bản vẽ quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất... Ngoài ra, học phần này còn tạo điều kiện giúp người học rèn luyện thêm về năng lực tự chủ, tự nghiên cứu.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần bao gồm các nội dung đương đại về các vấn đề của quy hoạch đô thị như quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch sử dụng đất, nhà ở, giao thông, môi trường, hạ tầng dịch vụ, phát triển bền vững và thành phố thông minh.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO8(M), PLO10(R).

34. Quản lý nhà nước về kinh tế Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng các phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế để đánh giá hiệu lực và hiệu quả về quản lý nhà nước về kinh tế của một quốc gia hoặc địa phương.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này trang bị cho người học hệ thống kiến thức về quản lý nhà nước về kinh tế, các lý thuyết và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế. Nội dung chủ yếu của học phần này giới thiệu cho người học những vấn đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế, các đặc trưng cơ bản, cơ chế, chức năng, nguyên tắc, phương pháp và công cụ về quản lý nhà

nước về kinh tế để đảm bảo các nguồn lực của nền kinh tế phân bổ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo nền kinh tế vận hành thông suốt giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia/địa phương trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(A), PLO10(M).

35. Thẩm định dự án đầu tư Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính công.

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có thể: Nhận biết được các khái niệm và các công cụ liên quan tới thẩm định dự án đầu tư; thực hiện hoạt động thẩm định một dự án công độc lập, trên các quan điểm thẩm định khác nhau đã được trang bị; vận dụng các nguyên lý lợi ích và chi phí khi phân tích kinh tế dự án trong trường hợp các điều kiện kinh tế lý tưởng không tồn tại; và hiểu rõ được các nội dung liên quan đến thẩm định dự án ở các giai đoạn từ đầu tư đến vận hành rồi kết thúc dự án. Học phần hướng đến đáp ứng yêu cầu cho người học trở thành chuyên viên thẩm định dự án đầu tư.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần mở đầu giới thiệu về thẩm định dự án, ngân-lưu dự án trong phương pháp phân tích lợi ích và chi phí. Tiếp theo sẽ trình bày hai nội dung chính là: Phân tích tính khả thi tài chính và Phân tích tính khả thi kinh tế. Thông qua các nội dung của học phần, người học được trang bị phương pháp đánh giá, phân tích các dự án đầu tư ở Việt Nam có liên quan, từ đó hình thành tư duy phân biện độc lập để có những hàm ý chính-sách cho các cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO4(M), PLO6(R), PLO8(M), PLO10(M).

36. Quản lý danh mục đầu tư Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần trước: Không

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng được kiến thức về lý thuyết quản lý danh mục đầu tư để áp dụng trong việc thiết lập danh mục đầu tư và đánh giá hiệu quả danh mục đầu tư. Thành thực trong việc phân tích danh mục đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư, và đánh giá hiệu quả danh mục đầu tư, quản lý hiệu quả các danh mục đầu tư. Đồng thời phát triển các kỹ năng tự học, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và đồng thời có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản lý danh mục đầu tư giới thiệu các kiến thức lý thuyết và kỹ năng để

xây dựng danh mục đầu tư như danh mục đầu tư cổ phiếu (tài sản rủi ro), danh mục đầu tư trái phiếu, và danh mục đầu tư kết hợp giữa các cổ phiếu và tài sản phi rủi ro. Hơn nữa, môn học này cũng cung cấp các kiến thức và kỹ năng để người học có thể đánh giá được danh mục đầu tư. Ngoài ra, môn học này còn giúp cho người học có thể đưa ra các khuyến nghị phù hợp trong tiến trình liên quan tới hoạt động xây dựng và quản lý danh mục đầu tư.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A), PLO3(M), PLO4(A), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(R).

37. Quản lý dự án

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý dự án; có khả năng thiết lập, phân tích, thẩm định hiệu quả dự án; thiết kế cấu trúc tổ chức dự án và xây dựng đội ngũ dự án; lập kế hoạch tiến độ, chi phí thực hiện dự án; phân bổ và điều hòa nguồn lực thực hiện dự án; triển khai tổ chức thực hiện dự án; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện và tiến triển của dự án; nhận diện và giải quyết các vấn đề kết thúc dự án một cách có hiệu quả cũng như đề xuất các giải pháp có tính sáng tạo cho hoạt động quản lý dự án.

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Học phần quản lý dự án là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho người học kiến thức nền tảng về quản lý dự án, từ lập kế hoạch đến hoàn thiện dự án. Học phần cung cấp các nội dung cơ bản như xác định, đánh giá và lựa chọn dự án; Thiết kế cấu trúc tổ chức dự án; Lập kế hoạch tiến độ, ước tính ngân sách và phân bổ nguồn lực; Tổ chức thực hiện dự án; Đánh giá và kiểm soát quá trình thực hiện dự án; Kết thúc dự án.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2 (A), PLO3 (M), PLO5 (M), PLO7 (M), PLO10 (M).

38. Quản lý rủi ro dự án đầu tư

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Quản trị học; Quản lý dự án
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần nhằm giúp người học có những kiến thức cơ bản về Quản lý rủi ro các dự án đầu tư; có khả năng phân loại & nhận dạng các loại rủi ro trong các dự án đầu tư; có khả năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp và đánh giá được mức ảnh hưởng của rủi ro; chọn lựa chiến lược ứng phó và xây dựng kế hoạch thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro và xây dựng kế hoạch tài trợ tổn thất do rủi ro gây ra. Học phần cũng giúp người học rèn luyện các kỹ năng về thu thập thông tin, nhận diện, phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề liên quan đến rủi ro liên quan đến các dự án đầu tư; đồng thời giúp người học.

nhận thức đúng về tác động rủi ro đến hiệu quả hoạt động và có thái độ tích cực hơn trong nhận thức và xử lý rủi ro trong các dự án đầu tư.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý rủi ro của một dự án đầu tư trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Học phần cung cấp cho người học các nội dung sau: (1) Khái niệm rủi ro, các loại rủi ro trong các dự án đầu tư, tác động rủi ro đến tiến trình hoàn thành dự án đầu tư; (2) Quy trình quản lý rủi ro; (3) Giới thiệu các rủi ro và cách thức nhận dạng nguy cơ rủi ro; (4) Phân tích, các phương pháp đo lường và đánh giá rủi ro; (5) Các chiến lược ứng phó rủi ro, các biện pháp kiểm soát và giám sát rủi ro; (6) Giới thiệu tài trợ rủi ro là các phương án hành động hướng đến khắc phục tổn thất tài chính do rủi ro.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3 (M), PLO4 (M), PLO5 (A), PLO7 (M), PLO10 (M).

39. Quản lý hành chính công Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Pháp luật đại cương

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính công để tổ chức và điều hành bộ máy quản lý hành chính công trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, công nghệ hành chính. Đồng thời, học phần cũng đưa ra những quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta liên quan đến vấn đề cải cách hành chính công, những kết quả đã đạt được và những nội dung cần thiết phải tiếp tục tiến hành trong cải cách hành chính công của đất nước giai đoạn hiện nay.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức chung trong lĩnh vực quản lý hành chính công như cách thức tổ chức và điều hành bộ máy quản lý hành chính công về kinh tế, tài chính-tiền tệ, công nghệ hành chính, cải cách hành chính công,... Ngoài ra học phần cũng trang bị cho người học một số kiến thức về các nghiệp vụ cơ bản trong công tác quản lý hành chính công như nguyên tắc cân đối ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý hành chính công đối với các loại hình doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp, các loại dự án đầu tư; cũng như các nguyên tắc tổ chức điều hành hoạt động cơ quan, công sở, nơi làm việc, hội họp, lưu trữ, soạn thảo văn bản hành chính công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO7(M), PLO8(M), PLO9(A), PLO10(M).

40. Quản lý tài chính công Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần này cung cấp cho người học kiến thức chung về tài chính công và quản

lý tài chính công và đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học về quản lý tài chính công.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về Lý thuyết tài chính công gồm 2 khối kiến thức có bản: Khối kiến thức lý luận chung về tài chính công và quản lý tài chính công. Khối kiến thức lý luận về NSNN, phân cấp quản lý NSNN, quy trình NSNN, tổ chức cân đối NSNN và quản lý nợ công, quản lý các quỹ ngoài ngân sách, đánh giá kết quả hoạt động quản lý tài chính công.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(A), PLO8(M), PLO9(M).

41. Marketing địa phương - Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính – Tiền tệ

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Mục tiêu của học phần giúp người học nắm vững các kiến thức về marketing và có khả năng vận dụng kiến thức này vào địa phương, hiểu và áp dụng được cách thức lập kế hoạch, triển khai tổ chức thực hiện các chiến lược, chiến dịch và chương trình marketing địa phương; vận dụng các kiến thức marketing, tích hợp với các kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh để phát hiện, giải quyết vấn đề marketing trong những tình huống cụ thể của địa phương. Ứng dụng nhận thức về bối cảnh xã hội, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội để xây dựng năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức về vai trò của marketing địa phương trong quản lý kinh tế. Đồng thời, nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng chiến lược marketing địa phương theo chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, và chiến lược phát triển địa phương, cũng như quá trình thực hiện, kiểm tra, quảng bá, thực thi chiến lược marketing địa phương nhằm xây dựng một hình ảnh, một thương hiệu cho địa phương trong quá trình quản lý kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(A), PLO8(M), PLO9(M), PLO10(M).

42. Quản lý tài nguyên và môi trường - Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế học vi mô

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Quản lý tài nguyên và môi trường cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên, các quan điểm phát triển bền vững, các quy tắc ứng xử với môi trường và tài nguyên. Giúp người học nhận thức được ✓

tầm quan trọng của môi trường và tài nguyên đối với phát triển kinh tế và tác động của hoạt động kinh tế môi trường; lý giải các nguyên nhân kinh tế của tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường, qua đó tìm ra các giải pháp hạn chế hoặc giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần nhằm giới thiệu cho người học một cách toàn diện sự hiểu biết về mối quan hệ giữa môi trường thiên nhiên và tăng trưởng kinh tế, giúp người học có thể phân tích được lợi ích và chi phí khi con người sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên. Học phần cũng cung cấp một số các chính sách để quản lý việc sử dụng nguồn tài nguyên một cách hiệu quả trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Từ đó, giúp nhà quản lý kinh tế biết cách sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả, và có ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên khi ra quyết sách.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO3(M), PLO4(M), PLO8(M), PLO10(R).

43. Khóa luận tốt nghiệp **Tín chỉ: 06**

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hiện hành của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng lý thuyết kinh tế và các công cụ, phương pháp quản lý để chỉ ra những thành tựu và hạn chế trong quản lý kinh tế trên phạm vi quốc gia, ngành, vùng, tổ chức kinh tế. Từ đó có thể so sánh, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để đề xuất kiến nghị, giải pháp phù hợp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của người học, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của người học đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học phần Khóa luận tốt nghiệp yêu cầu người học đến thực tập tốt nghiệp tại một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian quy định.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(A), PLO3(A), PLO4(A), PLO5(M), PLO6(R), PLO7(M), PLO8(A), PLO9(A), PLO10(A).

44. Thực tập cuối khóa **Tín chỉ: 03**

❖ Điều kiện tiên quyết: Theo quy định về điều kiện Thực tập cuối khóa hiện hành của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến chuyên

ngành, giúp người học có thể so sánh, đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để đề xuất kiến nghị phù hợp, tạo khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực tập cuối khoá là công trình nghiên cứu độc lập của người học, giúp vận dụng kiến thức đã tích lũy trong suốt thời gian học tập để ứng dụng vào thực tế. Người học lựa chọn nghiên cứu hoặc giải quyết một vấn đề liên quan đến ngành đào tạo với yêu cầu người học phải đến thực tập tốt nghiệp tại một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian quy định.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO2(M), PLO3(M), PLO4(A), PLO5(M), PLO6(R), PLO7(A), PLO8(M), PLO9(A), PLO10(M)

45. Mô hình ra quyết định quản lý Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: không

- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần Mô hình ra quyết định trong quản lý nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng vận dụng các mô hình trong quá trình ra quyết định quản lý.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về các mô hình ra quyết định trong quản lý. Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức về các mô hình ra quyết định, các phương pháp ra quyết định, tổ chức thực hiện mô hình ra quyết định trong thực tiễn nhằm đưa ra các mô hình quản lý kinh tế hiệu quả.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M), PLO2(M), PLO3(M), PLO4(M), PLO6(M), PLO10(R)./. ✓

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiên Đạt

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CTĐT

Ngô Thị Hồng Giang

C. NGUỒN LỰC ĐẢM BẢO ĐÀO TẠO

1. Giáo trình chính sử dụng giảng dạy

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Triết học Mác – Lênin/ Marxist – Leninist philosophy
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin/ Marxist Leninist political economics
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia - Sự thật	2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia - Sự thật	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese Communist Party
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia - Sự thật	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Ideology
6	Đại cương về nhà nước và pháp luật	Đào Trí Úc - Hoàng Thị Kim Quế	NXB ĐHQG Hà Nội	2023	Pháp luật đại cương/ General Law
7	Business Partner – Student's book – A2+	O'Keeffe, M., Landford, L., Wright, R. (et al)	Pearson	2019	Tiếng Anh trong kinh doanh
8	Business Partner – Student's book – B1	O'Keeffe, M., Landford, L., Wright, R. (et al)	Pearson	2019	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao
9	Cơ sở toán kinh tế	Nguyễn Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2023	Toán kinh tế/ Mathematic for Economics
10	Năng lực số	Đỗ Văn Hùng,	NXB Đại học Quốc gia Hà	2022	Năng lực số

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Phạm Hải Chung, Nguyễn Thị Kim Dung, Phan Thanh Đức, Lê Quốc Hải, Trần Đức Hòa, Mai Anh Thơ, Bùi Thanh Thúy	Nội		
11	Principles of Microeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	Kinh tế học vi mô
12	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (Chủ biên)	NXB Tài chính	2023	Kinh tế học vĩ mô
13	Nguyên lý kế toán	TS. Ngô-Thị Mỹ Thúy	NXB Tài chính	2022	Nguyên lý kế toán
14	Principles of Marketing	Kotler, P., Armstrong, G., & Balasubramanian, S.	Pearson Australia	2023	Nguyên lý Marketing
15	Quản trị học	TS. Cảnh Chí Hoàng	Trường Đại học Tài chính - Marketing	2021	Quản trị học
16	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính	TS. Trần Thị Thanh Nga	NXB Tài chính	2024	Tài chính – Tiền tệ
17	Giáo trình Luật Kinh tế	TS. Phạm Thị Huyền Sang	NXB Đại học Vinh	2023	Luật kinh doanh
18	Thuế 1	TS. Lê Quang Cường - TS. Nguyễn Kim Quyên	NXB Kinh tế	2023	Thuế
19	Tài chính doanh nghiệp 2	TS. Bùi Hữu Phước	NXB Tài chính	2022	Tài chính doanh nghiệp
20	Khởi nghiệp kinh doanh: Lý thuyết, quá trình, thực tiễn	Kuratko	NXB Hồng Đức	2019	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
21	Kinh tế lượng	Nguyễn Huy Hoàng	NXB Tài chính		Kinh tế lượng
22	Introduction to Sustainable Development Goals (SDGs)	Baker, J	https://ecampusontario.pressbooks.pub/sdgintro/front-matter/introduction	2023	Phát triển bền vững
	Sustainability and Sustainable Development: An Introduction	Benton-Short, L	Rowman & Littlefield	2023	Phát triển bền vững
23	Quantitative trading: how to build your own algorithmic trading business	Ernest P. Chan	John Wiley & Sons	2021	Trí Tuệ Nhân tạo trong kinh doanh
24	Principles of Microeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	Kinh tế vi mô nâng cao
25	Principles of Macroeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	Kinh tế vĩ mô nâng cao
26	Thống kê kinh tế	Bùi Đức Triệu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2022	Thống kê kinh tế
27	Giáo trình Kinh tế công cộng	TS. Bùi Đại Dũng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	Kinh tế công cộng
28	Kinh tế quốc tế	Đỗ Đức Bình- Ngô Thị Tuyết Mai	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2023	Kinh tế quốc tế
29	Kinh tế phát triển	Phan Minh Tuấn	Xây Dựng	2022	Kinh tế phát triển
30	Labor Economics	George.J.Bojias	Mc Graw Hill	2022	Kinh tế lao động
31	Data analysis for business, economics, and policy	Gábor Békés- Gábor Kézdi	Cambridge University	2021	Phân tích và dự báo kinh tế
32	Phân tích chính sách KT-XH	Phạm Văn Dũng, Hoàng Triều Hoa	Đại học Quốc gia Hà Nội	2007	Chính sách kinh tế

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
33	Quy hoạch đô thị	John M. Levy	Xây dựng	2022	Quy hoạch đô thị
34	Quản lý nhà nước về kinh tế	Đỗ Hoàn Toàn & Mai Văn Bửu	Đại học Kinh tế quốc dân	2021	Quản lý nhà nước về kinh tế
35	Quản lý dự án đầu tư công.	Lê Như Thanh và Lê Văn Hòa	Chính trị Quốc gia - Sự thật.	2017	Thẩm định dự án đầu tư
36	Quản lý danh mục đầu tư	Hoàng Văn Quỳnh, Cao Minh Tiến	Tài chính	2017	Quản lý danh mục đầu tư
37	Giáo trình Quản lý dự án	Từ Quang Phương	BH Kinh tế Quốc Dân	2015	Quản lý dự án
38	Giáo trình Quản lý rủi ro dự án - đầu tư xây dựng	Vương Thị Thuý Dương (Chủ biên), Huỳnh Thị Yên Thảo, Trần Thị Thiêm, Ngô Vũ Mai Ly	NXB Xây dựng	2024	Quản lý rủi ro dự án đầu tư
39	Quản lý hành chính công	Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Đức Lợi - đồng chủ biên	Tài chính	2018	Quản lý hành chính công
40	Quản lý tài chính công	Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoa	Tài chính	2013	Quản lý tài chính công
41	Marketing địa phương	Vũ Trí Dũng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2011	Marketing-địa-phương
42	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Đinh Đức Trường	Đại học Kinh tế quốc dân	2022	Quản lý tài nguyên và môi trường
43	Ra quyết định trong kinh doanh	Trần Việt Lâm	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023	Mô hình ra quyết định quản lý

2. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TỰ HỌC/TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÁC

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Kinh tế học vĩ mô	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư	Tài chính	2023	Kinh tế học vĩ mô
2	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	CTQG Sự thật	2023	Pháp luật đại cương
3	Business Vocabulary in Use – Pre – Intermediate.	Mascull, B.	Cambridge	2017	Tiếng Anh trong kinh doanh
4	Business Vocabulary in Use – Intermediate	Bill, M	Cambridge	2017	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao
5	Excel Power Query và Power Pivot Cơ bản – Tự động hóa dữ liệu báo cáo	Nguyễn Quang Vinh	Văn hóa Thông tin	2023	Năng lực số
6	Tin học ứng dụng	Trương Thành Công, Trương Đình Hải Thụy, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Phạm Thủy Tú, Nguyễn Thị Trần Lộc, Trần Thanh San, Nguyễn Quốc Thanh, Nguyễn Thanh Trường, Huỳnh Ngọc Thành Trung	NXB Tài Chính	2023	Năng lực số
7	Marketing căn bản	Ngô Thị Thu và cộng sự	Lao động - Xã hội	2011	Nguyên lý Marketing
8	Principles of Marketing	Kotler, P., Armstrong, G., & Balasubramanian, S.	Pearson Australia	2023	Nguyên lý Marketing
9	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính	TS. Trần Thị Thanh Nga	NXB Tài chính	2024	Tài chính – Tiền tệ
10	Luật Kinh tế	TS. Nguyễn Thị Dung	NXB Tư pháp	2022	Luật kinh doanh
11	Corporate Finance	Ross, Westerfield, Jaffe	McGraw Hill	2019	Tài chính doanh nghiệp
12	Quantitative trading: how to build your own algorithmic trading business	Ernest P. Chan	John Wiley & Sons	2021	Trí Tuệ Nhân tạo trong kinh doanh

STT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
13	Giáo trình Hành vi người tiêu dùng	Vũ Huy Thông	NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân	2022	Hành vi khách hàng
14	Consumer Behavior: Building Marketing Strategy.	Mothersbaugh, D., Hawkins, D. I.	McGraw-Hill.	2016	Hành vi khách hàng
15	Consumer Behaviour – Buying, having and being	Solomon, M. R	Pearson	2020	Hành vi khách hàng
16	E-Marketing	Frost, R., Fox, A.K., & Strauss, J.	Routledge	2019	Marketing kỹ thuật số
17	Digital Marketing Strategy: An Intergrated Approach to Online Marketing	Kingsnorth, S.	KoganPage	2021	Marketing kỹ thuật số
18	Tài chính công	Nguyễn Thị Cành chủ biên.	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh,	2014	Tài chính công
19	Lý thuyết quản lý tài chính công	Hoàng Thị Thúy Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh đồng chủ biên...	Tài chính,	2016	Tài chính công
20	Đô thị thông minh, tương lai xán lạn: bản trình diễn về tương lai	Mike Barlow và cộng sự	NXB Trẻ	2020	Quy hoạch đô thị
21	Kinh doanh quốc tế hiện đại. (Sách dịch)	Bộ môn kinh doanh quốc tế , ĐH Kinh tế Tp.HCM.	NXB Kinh tế Tp.HCM.	2015	Kinh doanh quốc tế
22	Global Business Today (12 th ed)	Hill, C. W. L.	McGraw- Hill.	2021	Kinh doanh quốc tế
23	Principles of Microeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	Kinh-tế-học vi mô
24	Principles of Macroeconomics	G. Mankiw	Harvard University	2023	Kinh tế-học vĩ mô

3. ĐỘI NGŮ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 17/TT/2021-BGDĐT VÀ THÔNG TƯ SỐ 02/TT/2022-BGDĐT

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
1	Lại Văn Nam		Tiến sĩ, 2020	Triết học	Triết học Mác – Lênin
2	Bùi Minh Nghĩa		Tiến sĩ, 2020	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng dạy các học phần
3	Nguyễn Minh Hiền		Thạc sĩ, 2014	Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Trần Hạ Long		Thạc sĩ, 2011	Triết học	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Trần Hạ Long		Thạc sĩ, 2011	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Tô Thị Đông Hà		Tiến sĩ, 2023	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương
7	Nguyễn Thị Bội Ngọc		Thạc sĩ, 2013	Tiếng Anh	Tiếng Anh trong kinh doanh
8	Nguyễn Thị Kim Ba		Thạc sĩ, 2009	Tiếng Anh	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao
9	Phạm Thị Thu Hiền		Thạc sĩ, 2007	Lý thuyết tối ưu	Toán kinh tế
10	Nguyễn Trung Đông		Thạc sĩ, 2006	Toán giải tích	Năng lực số
11	Nguyễn Thị Hào		Thạc sĩ, 2010	Quản trị kinh doanh	Kinh tế học vi mô
12	Lê Thị Bích Thảo		Thạc sĩ, 2015	Kinh tế học	Kinh tế học vĩ mô
13	Nguyễn Thị Nga Dung		Thạc sĩ, 2015	Kế toán	Nguyên lý kế toán
14	Bào Trung		Tiến sĩ, 2010	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing
15	Dư Thị Chung		Tiến sĩ, 2023	Quản trị kinh doanh	Quản trị học
16	Nguyễn Thị Ngọc Loan		Thạc sĩ, 2020	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Tiền tệ
17	Phạm Thị Nguyệt Sương		Thạc sĩ, 2008	Luật học	Luật kinh doanh
18	Thái Trần Văn Hạnh		Thạc sĩ, 2013	Kế toán	Thuế
19	Phạm Đức Huy		Tiến sĩ, 2023	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
20	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, 2019	Kinh tế/ Quản lý kinh tế	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
21	Nguyễn Văn Phong		Thạc sĩ, 2007	Toán giải tích	Kinh tế lượng
22	Ngô Thái Hưng		Tiến sĩ, 2020	Tài chính công ty	Thống kê kinh tế
23	Đoàn Ngọc Phúc		Tiến sĩ, 2016	Kinh tế	Phát triển bền vững
24	Nguyễn Văn Tuyên		Tiến sĩ, 2017	Kinh tế học	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh
25	Lại Thị Tuyết Lan		Thạc sĩ, 2009	Kinh tế chính trị	Kinh tế vi mô nâng cao
26	Hoàng Thị Xuân		Thạc sĩ, 2014	Kinh tế học	Kinh tế vĩ mô nâng cao
27	Phan Ngọc Yên Xuân		Thạc sĩ, 2016	Chính sách	Kinh tế công cộng

STT	Họ tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nơi tốt nghiệp	Ngành và chuyên ngành học	Giảng-dạy các học phần
28	Phạm Thị Vân Anh		Thạc sĩ, 2014	Tài chính – ngân hàng	Kinh tế quốc tế
29	Phan Ngọc Yến Xuân		Thạc sĩ, 2016	Chính sách công	Kinh tế phát triển
30	Nguyễn Thanh Hùng		Tiến sĩ, 2018	Quản lý kinh tế	Kinh tế lao động
31	Ngô Thái Hưng		Tiến sĩ, 2020	Tài chính công ty	Phân tích và dự báo kinh tế
32	Trần Vĩnh Hoàng		Tiến sĩ, 2022	Quản lý kinh tế	Chính sách kinh tế
33	Ngô Thị Hồng Giang		Tiến sĩ, 2024	Quản lý kinh tế	Quy hoạch đô thị
34	Ngô Sỹ Trung	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2013	Quản lý công	Quản lý nhà nước về kinh tế
35	Nguyễn Quyết		Tiến sĩ, 2018	Quản trị kinh doanh	Thẩm định dự án đầu tư
36	Trần Vĩnh Hoàng		Tiến sĩ, 2018	Quản lý kinh tế	Quản lý danh mục đầu tư
37	Hoàng Sĩ Nam		Tiến sĩ, 2023	Quản lý kinh tế	Quản lý dự án
38	Nguyễn Thị Quý		Thạc sĩ, 2012	Kinh-tế, tài chính, ngân hàng	Quản lý rủi ro dự án đầu tư
39	Phạm Thị Quỳnh Nga		Tiến sĩ, 2024	Quản lý kinh tế	Quản lý hành chính công
40	Phạm Thị Ngọc Mai		Tiến sĩ, 2018	Quản lý kinh tế	Quản lý tài chính công
41	Nguyễn Đức Hải		Tiến sĩ, 2012	Kinh tế học	Marketing địa phương
42	Trần Văn Hùng	PGS, 2023	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế học	Quản lý tài nguyên và môi trường
43	Nguyễn Bá Thanh		Thạc sĩ, 2005	Kinh tế-phát triển	Mô hình ra quyết định quản lý

4. ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN HỖ TRỢ CẤP KHOA/PHÒNG

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Nữ Thánh Tâm	Thư ký	Khoa Kinh tế - Luật	Hỗ trợ	

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

(Có đề cương kèm theo)

E. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường

TLGD, SM	Mục tiêu chung	POs							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8
Triết lý giáo dục									
Thực chất	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Đổi mới	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Sáng tạo	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Sứ mạng									
Trường Đại học Tài chính - Marketing có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Triết lý giáo dục, Sứ-mạng của Trường

[illegible]

Phụ lục 3. Ma trận tương thích giữa học phần, khối lượng kiến thức với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

STT	Tên học phần	PLOs									
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1	Triết học Mác – Lênin	I				R				R	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	I				R				R	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	I				R				R	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	I				R				R	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	I				R				R	
6	Pháp luật đại cương	I						R			R
7	Tiếng Anh trong kinh doanh					R					I
8	Tiếng Anh trong kinh doanh nâng cao					M					I
9	Toán-kinh tế	I		R	R	R					
10	Năng lực số		R						R	R	
11	Kinh tế học-vĩ mô	I				R				R	
12	Kinh-tế-học vĩ mô	I				R				R	
13	Nguyên lý kế toán	I					I	I		I	
14	Nguyên lý marketing	I		I				I		I	
15	Quản trị học	I				M					R
16	Tài chính – Tiền tệ			R				R		R	R
17	Luật-kinh doanh				I				R		R
18	Thuế		R				R			R	R
19	Tài chính doanh nghiệp			R				R		R	R
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	I						R	R	I	
21	Phát triển-bền vững		R				R			R	R
22	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh		R				R			R	R
23	Phương pháp nghiên cứu kinh tế		R	R	M		M	M	R	R	M
24	Kinh tế vĩ mô nâng cao		R	R	M				M	M	M
25	Kinh tế vĩ mô nâng cao		R	M	M				M	M	M
26	Thông kê kinh tế		M	R	M			M	R	M	M

STT	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
27	Kinh tế công cộng		R	R	R				R	R	R
28	Kinh tế quốc tế			R	R			R	M	M	
29	Kinh tế phát triển		R	R	R			R	M	M	
30	Kinh tế lao động		M		M			M	M	M	
31	Phân tích và dự báo kinh tế		R	R	M		R		M	R	R
35	Chính sách kinh tế			M	M				M	M	R
33	Quy hoạch đô thị			M	M		M		M		R
34	Quản lý nhà nước về kinh tế			M	M			M	M	A	M
32	Thẩm định dự án đầu tư				M		R		M		R
36	Quản lý danh mục đầu tư	M	A	M	A				M	M	R
37	Quản lý dự án		A	M		M		M			M
38	Quản lý rủi ro dự án đầu tư			M	M	A		M			M
39	Quản lý hành chính công			M	M				M	A	M
40	Quản lý tài chính công			M	A				M	M	
41	Marketing địa phương			M	M				M	M	M
42	Quản lý tài nguyên và môi trường			M	M				M		R
43	Khoa luận tốt nghiệp	M	A	A	A	M	R	M	A	A	A
44	Học phần thay thế: Mô hình ra quyết định quản lý		M	M	M		M				R
45	Thực tập cuối khóa				M	A	M	R	A	M	M

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...
- M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.
- A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tới đa việc đạt được PLO) cần phải có.

Phụ lục 4. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế với chương trình đào tạo của Trường Đại học Thương Mại

STT	Trường Đại học Tài chính - Marketing			Trường Đại học Thương Mại		
	Tên học phần	Số Tín chỉ		Tên học phần	Số Tín chỉ	
		LT	TH		LT	TH
I	Giáo dục đại cương	26	1	Kiến thức giáo dục đại cương	25	
<i>a</i>	<i>Kiến thức lý luận chính trị</i>	<i>11</i>	<i>1.1.</i>	<i>Giáo dục đại cương</i>	<i>11</i>	
1	Triết học Mác – Lênin	3		Triết học Mác – Lênin	3	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
<i>b</i>	<i>Kiến thức pháp luật</i>	<i>3</i>	<i>1.2.</i>	<i>Kiến thức pháp luật</i>	<i>2</i>	
6	Pháp luật đại cương	3		Pháp luật đại cương	2	
<i>c</i>	<i>Ngoại ngữ</i>	<i>6</i>	<i>1.3</i>	<i>Ngoại ngữ</i>	<i>6</i>	
7	Tiếng Anh chuyên ngành	3		Tiếng Anh 1	3	
8	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao	3		Tiếng Anh 2	3	
<i>d</i>	<i>Toán – Tin học</i>	<i>6</i>	<i>1.4.</i>	<i>Toán - Tin học</i>	<i>6</i>	
9	Toán kinh tế	3		Toán đại cương	3	
10	Năng lực Số	3		Tin học quản lý	3	
II	2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	90	2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89	
<i>a</i>	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	<i>39</i>	<i>2.1.</i>	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	<i>38</i>	
11	Kinh tế học vi mô	3		Kinh tế vi mô 1	3	
12	Kinh tế học vĩ mô	3		Kinh tế vĩ mô 1	3	
13	Nguyên lý kế toán	3		Kiểm toán căn bản	3	
14	Nguyên lý Marketing	3		Kinh tế thương mại đại cương	2	
15	Quản trị học	3		Nguyên lý quản lý kinh tế	3	
16	Tài chính-Tiền tệ	3		Nhập môn tài chính - Tiền tệ	3	
17	Luật kinh doanh	3		Luật kinh tế	3	
18	Thuế	3		Quản trị dịch vụ	3	

STT	Trường Đại học Tài chính - Marketing			Trường Đại học Thương Mại		
	Tên học phần	Số Tín chỉ		Tên học phần	Số Tín chỉ	
		LT	TH		LT	TH
19	Tài chính doanh nghiệp	3		Kinh tế doanh nghiệp	3	
20	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3		Khởi sự kinh doanh	3	
21	Kinh tế lượng	3		Kinh tế lượng	3	
22	Phát triển bền vững	3		Thống kê kinh tế	3	
23	Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
<i>b</i>	<i>Kiến thức ngành</i>	<i>30</i>	<i>2.2</i>	<i>Kiến thức ngành và chuyên ngành</i>	<i>30</i>	
24	Kinh vi mô nâng cao	3		Kinh tế vi mô 2	3	
25	Kinh vĩ mô nâng cao	3		Kinh tế vĩ mô 2	3	
26	Thống kê kinh tế	3		Kinh tế đầu tư	3	
27	Kinh tế công cộng	3		Kinh tế công cộng	3	
28	Kinh tế quốc tế	3		Kinh tế quốc tế	3	
29	Kinh tế phát triển	3		Kinh tế phát triển	3	
30	Kinh tế lao động	3		Kinh tế học quản lý	3	
31	Phân tích và dự báo kinh tế	3		Quản trị chiến lược	3	
32	Chính sách kinh tế	3		Khởi sự kinh doanh	3	
33	Quy hoạch đô thị	3		Kế hoạch hóa phát triển	3	
<i>c</i>	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	<i>15</i>			<i>15</i>	
Học phần bắt buộc						
34	Quản lý nhà nước về kinh tế	3		Quản lý nhà nước về kinh tế	3	
35	Thẩm định dự án đầu tư	3		Chính sách kinh tế - xã hội	3	
36	Quản lý tài nguyên và môi trường	3		Quản lý nhà nước về tài nguyên - môi trường	3	
Tự chọn: chọn 2 học phần (mỗi nhóm 1 học phần)						
<i>Nhóm 1: Quản lý kinh tế khu vực Tư</i>						
37	Quản lý dự án			Chuyển đổi số trong kinh doanh		
38	Quản lý rủi ro dự án đầu tư	3		Kinh doanh quốc tế	3	
<i>Nhóm 2: Quản lý kinh tế khu vực Công</i>						
		3			3	

STT	Trường Đại học Tài chính - Marketing			Trường Đại học Thương Mại		
	Tên học phần	Số Tín chỉ		Tên học phần	Số Tín chỉ	
		LT	TH		LT	TH
39	Quản lý hành chính công	3		Quản lý phát triển kinh tế địa phương	3	
40	Quản lý thương mại và dịch vụ			Quản lý nhà nước về thương mại		
<i>d</i>	Kiến thức bổ trợ ngành:	6	2.3	Kiến thức bổ trợ ngành	6	
41	Quản lý tài chính công	3		Quản trị chuỗi cung ứng	3	
42	Marketing địa phương	3		Quản lý đầu tư kinh doanh bất động sản	3	
III	Tốt nghiệp	6	2.4.	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	6	
43	Khóa luận tốt nghiệp	6		Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp	6	
	Hoặc					
44	Thực tập cuối khóa	3		Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp	3	
<i>Học phần thay thế</i>						
45	Mô hình ra quyết định quản lý	3		Hệ thống thông tin quản lý	3	
IV	Tổng cộng	122			120	